

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN NẬM PỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /QĐ-DTNT

Nậm Pồ, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 1489/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2023 “ Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024” của Sở Giáo dục & Đào tạo Điện Biên;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán – tài chính nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, cán bộ giáo viên, nhân viên trường THPT Nậm Pồ tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục & Đào tạo Điện Biên;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Tập

Biểu số 342/Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN NẬM PỒ

Chương 422 HỒ THỐNG

ĐƠN TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-DTNTNP ngày 10/01/2024 của Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.641.730
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.641.730
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.641.730
	Trong đó: - Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương	103
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.938.500
	Trong đó:	
	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	49
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã DBKK theo ND116/2016/NĐ-CP	
	Hỗ trợ học tập theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	22.0
	Học bổng cho học sinh trường DTNT theo thông tư 109	630
	Học bổng cho học sinh trường DTNT	6.048.000
	Hợp đồng nhân viên nấu ăn	135.000
	các loại phần mềm chuyển đổi số	38.500
	phần mềm kế toán misa	16.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	